

Số: /GPMT-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 30/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, về việc “Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Thung Nai (KV2) tại thôn Om Làng, xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 67/TTr-STNMT ngày 19 tháng 3 năm 2024 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại và Phát triển đô thị Hiệp Cường Hòa Bình; địa chỉ tại Mỏ đá Thung Nai, xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Thung Nai (KV2)” tại xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Thung Nai (KV2).

1.2. Địa điểm hoạt động: Mỏ đá Thung Nai, xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400327256 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp đăng ký lần đầu ngày 10/09/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/03/2023.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 5400327256.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác và chế biến đá vôi

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Tổng diện tích của dự án: 22,8 ha.

- Quy mô: Nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Công suất khai thác:

Tính theo sản phẩm nguyên khai: 350.000 m³/năm.

Tính theo lượng đá thành phẩm: 450.000 m³/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại và Phát triển đô thị Hiệp Cường Hòa Bình.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại và Phát triển đô thị Hiệp Cường Hòa Bình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô

nhiễm, mùi, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung, mùi để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ký giấy phép môi trường.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Thung Nai (KV2)” tại xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, KH&CN;
- UBND huyện Lương Sơn;
- UBND xã Cao Dương, huyện Lương Sơn;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công ty TNHH XNK Thương mại và Phát triển đô thị Hiệp Cường Hòa Bình
(*Trung tâm phục vụ HCC tỉnh, trả kết quả*);
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Hg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm

Phụ lục 01
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân mỏ, được xử lý bằng bể tự hoại.
- Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn sau hố lắng số 2.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước xả thải: 02 dòng.

- Dòng số 1: Nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng bể tự hoại
- Dòng số 2: Nước mưa chảy tràn sau hố lắng số 2.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ Ngái Lạng thuộc địa phận xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2.3. Vị trí xả nước thải

- Tọa độ vị trí xả nước thải (*hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106° múi chiếu 3°*):

+ Dòng số 1: Tọa độ $X_1 = 2293883$; $Y_1 = 464002$.

+ Dòng số 2: $X_2 = 2293871$; $Y_2 = 464230$.

2.4. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 2.690 m³/ngày.đêm.

Trong đó:

- Dòng số 1: 6m³/ngày đêm.
- Dòng số 2: 2684 m³/ngày đêm.

2.5. Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.6. Chế độ xả nước thải:

- Dòng số 1: xả gián đoạn phụ thuộc vào nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân.

- Dòng số 2: xả gián đoạn (khi có mưa).

2.7. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

- Đối với dòng thải số 01 (Nước thải sinh hoạt sau xử lý): Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, QCVN 14:2008/BTNMT cột B (hệ số $k=1,2$), cụ thể:

Bảng 1: Thông số và giá trị tối đa của các thông số ô nhiễm trong dòng nước thải số 01

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, Hệ số $k = 1,2$	Quan trắc tự động, liên tục, định kỳ
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục, định kỳ (Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	TSS	mg/l	120	
3	BOD ₅	mg/l	60	
4	COD	mg/l	-	
5	Amoni (theo N)	mg/l	12	
6	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	60	
7	Dầu mỡ	mg/l	24	
8	Coliform	MNP/100 ml	5.000	

- Đối với dòng thải số 02 (Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng sân công nghiệp sau khi xử lý): Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, QCVN 40:2011/BTNMT cột B (hệ số $k_q=0,9$; $k_f=0,9$), cụ thể:

Bảng 2. Các chất ô nhiễm và giá trị tối đa cho phép của các chất ô nhiễm theo dòng thải số 02

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Độ màu	Pt/Co	150	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	5,5-9,0		
3	BOD ₅	mg/l	40,5		
4	COD	mg/l	121,5		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	81		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	8,1		
7	As	mg/l	0,081		
8	Tổng N	mg/l	32,4		

9	Tổng P	mg/l	4,86		
10	Hg	mg/l	0,0081		
11	Pb	mg/l	0,405		
12	Cd	mg/l	0,081		
13	Cr ⁶⁺	mg/l	0,081		
14	Cr ³⁺	mg/l	0,81		
15	Cu	mg/l	1,62		
16	Zn	mg/l	2,43		
17	Ni	mg/l	0,405		
18	Fe	mg/l	4,05		
19	Sunfua	mg/l	0,405		
20	Tổng Phenol	mg/l	0,405		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	8,1		
22	Coliform	Vi khuẩn /100 ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn, nước thải

- Hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.

- Nước mưa mái khu vực văn phòng được thu gom theo đường ống PVC D60 dẫn nước từ mái chảy xuống cống thu nước mưa. Mương thoát nước mưa dọc theo tuyến đường khai thác mỏ (cao x dài x rộng = 1 x 2 x 50m), tiếp tục được chảy qua đê chắn có kích thước (cao x rộng = 0,5 x 0,3m) điều hướng nước chảy vào hồ lắng 1 dung tích khoảng 318,5 m³ được ngăn đôi. Ngăn lắng 1 có kích thước (6,5m x 14m x 14m); ngăn lắng 2 có kích thước (6,5m x 15m x 23m) tại ngăn lắng 2 có hệ thống cống tròn dạng chìm kích thước D800 đầu nổi chảy sang hồ lắng 2, chiều dài 150m. Sau đó tiếp tục chảy ra hồ Ngái Lạng.

- Thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại thể tích 24 m³ sau đó chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

+ Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp chảy vào bể tách dầu mỡ sau đó tiếp tục chảy vào bể tự hoại 03 ngăn có dung tích 24 m³ rồi thoát ra hồ Ngái Lạng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Bể tự hoại 3 ngăn: số lượng 02 bể, thể tích 24 m³/bể, được bố trí ngầm dưới khu nhà vệ sinh văn phòng và nhà bếp.

- Bể lắng dầu mỡ tại khu vực bếp: số lượng 01 bể, kích thước 2,05m x 3,05m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống máy móc thiết bị, đường ống thu, thoát nước, các bể xử lý để tăng khả năng thoát nước và loại bỏ các chất bẩn, tăng hiệu quả xử lý nước thải. Luôn dự phòng các thiết bị xử lý, vật tư hay bị hư hỏng trong kho chứa để kịp thời thay thế.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường

2.2. Công trình xử lý chất thải: Công trình xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu vận hành thử nghiệm:

- 01 mẫu nước thải đầu vào của nước thải sinh hoạt khu vực văn phòng.
- 01 mẫu nước thải đầu vào của nước thải sinh hoạt khu vực nhà bếp.
- 01 mẫu nước thải đầu ra sau bể tự hoại.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo danh mục 2.7 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Tiến hành lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp với 01 mẫu đầu vào của nước thải sinh hoạt khu vực văn phòng; 01 mẫu đầu vào của nước thải sinh hoạt khu vực nhà bếp và 03 mẫu đầu ra sau bể tự hoại. Tần suất lấy mẫu 01 lần/ngày.

- Công ty có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình hoạt động, trường hợp các công trình xử lý nước thải gặp sự cố, chủ dự án phải thực hiện ngay các biện pháp khắc phục sự cố, báo cáo cơ quan chức năng về môi trường trong trường hợp cần thiết để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, công trình xử lý nước thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 02
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Do loại hình dự án là khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường không xác định được dòng khí thải và lưu lượng xả khí thải theo dòng khí thải. Do đó không thuộc đối tượng cấp phép môi trường khí thải. Tuy nhiên, với đặc thù lĩnh vực sản xuất nên phát sinh bụi và khí thải chủ dự án cần thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải, tại mục B phụ lục này.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi và khí thải

- Trồng cây xanh bao quanh, khu vực dự án, hai bên các cung đường giao thông và các vị trí đất trống của dự án.

- Biện pháp làm ẩm nguyên liệu và bề mặt công trường:

+ Các phương tiện vận chuyển, máy móc nội bộ mới, định kỳ bảo dưỡng, sử dụng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn để hạn chế khí thải phát sinh.

+ Các phương tiện chuyên chở vật liệu sản phẩm ra vào dự án đều phải tuân thủ nghiêm ngặt: Xe ra vào đảm bảo sạch, trở đúng trọng lượng, sử dụng nhiên liệu tiêu chuẩn hạn chế phát sinh khí thải. Các xe đều phải có bạt che đảm bảo không cho nguyên liệu cũng như sản phẩm rơi vãi ra đường.

+ Giảm thiểu bụi phát sinh quán lên từ nền đường, các khu vực bãi chứa sản phẩm và mặt bằng khác của dự án: Bố trí một xe chuyên dụng có gắn téc nước để tưới làm ẩm hạn chế bụi phát tán do gió và các phương tiện nội bộ cũng như ra vào dự án quán lên. Đối với mùa khô và ngày nắng nóng định kỳ ngày tưới 02 - 03 lần.

- Biện pháp giảm thiểu bụi khu vực khai thác và chế biến đá:

+ Tại khu vực nổ mìn: Sử dụng phương pháp nổ mìn điện kết hợp vi sai điện, sử dụng thuốc nổ có tác dụng tích cực đến môi trường. Sử dụng liều lượng đã đăng ký cho phép, tuyệt đối không sử dụng liều lượng lớn nên hạn chế được lượng bụi tập trung cùng lúc và khí thải vào môi trường không khí.

+ Tại khu vực chế biến đá: Làm ẩm nguyên liệu trước khi vào nghiền, băng tải, đầu các băng tải bằng hệ thống phun sương.

+ Hệ thống phun sương thống kê tại bảng sau:

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất
1	Máy bơm cấp nước	Cái	02	4.5 kW
2	Máy bơm cao áp	Cái	02	
3	Đường ống cao su chịu nhiệt hdpe	D27		400m
4	Téc nước	Cái	02	10m ³
5	Téc phun nước	Cái	40	

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Xử lý bụi, khí thải phát sinh đảm bảo đáp ứng quy định về QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

2.2. Thường xuyên làm vệ sinh, thu gom rác, quét bụi, phun nước trên tuyến đường chính của dự án, nhất là vào những ngày hanh khô, nắng nóng.

2.3. Đảm bảo bố trí đầy đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý mùi, khí thải.

2.4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.5. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khi làm phát sinh bụi, khí thải không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật ra môi trường./.

Phụ lục 03

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn và vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn và vị trí phát sinh: Từ hoạt động của các máy móc, thiết bị chế biến đá (Máy nghiền, động cơ, máy bơm nước,...)

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

Theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

Từ 6 giờ đến 21 giờ(dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ(dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	Không quy định	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

Theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ(dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
70	60	Không quy định	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Xây dựng tường bao cao và trồng cây xanh với mật độ cao tại khu vực gần với khu dân cư để giảm thiểu tiếng ồn.

- Không tiến hành hoạt động khai thác, vận tải trước 6h00' sáng và sau 19h00'.

- Vận hành máy, thiết bị đúng công suất thiết kế và quy trình vận hành.

- Hạn chế sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, rung. Các phương tiện

vận chuyển không chở quá khối lượng cho phép, chạy đúng tốc độ quy định.

- Duy tu, bảo dưỡng mặt đường giao thông đi lại trong và ngoài mỏ.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ cho người lao động theo quy định.
- Trồng hàng rào cây xanh xung quanh khu vực mỏ để giảm thiểu độ ồn phát sinh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Điều tiết phương tiện thời gian hoạt động của giao thông ra vào, thời gian nhập hàng hóa tại cơ sở phù hợp, đồng thời không sử dụng còi hơi trong phạm vi cơ sở.

2.3. Trồng cây xanh xung quanh khu vực chế biến, khai thác

2.4. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn./.

Phụ lục 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái	Mã CTNH (TT02:2020/BTNMT)	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Dầu máy bôi trơn thải	Lỏng	17 02 04	10
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	05
3	Dầu thải	Lỏng	15 01 07	12
4	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	02
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	03

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	5.475 kg/năm
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (các đầu mũi khoan, gang tay, vỏ bao bì không nhiễm các thành phần nguy hại, vỏ mìn đã hết thuốc nổ,...)	65 kg/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng phuy tôn (200 lít/thùng) chứa dầu nhớt thải, 02 thùng nhựa có nắp đậy chứa giẻ lau dính dầu, 01 thùng (50 lít/thùng) chứa bóng đèn huỳnh quang thải.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Tường bao, mái lợp tôn, mặt sàn bê tông, rãnh chống tràn nước.

- Kho chứa chất thải nguy hại có trang bị các dụng cụ, thiết bị vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xéng

để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt: 02 thùng (50 lít/thùng) và 01 thùng (120 lít/thùng).

- Bùn thải quét dọn và khơi thông được đem đổ thải tại các gốc cây trồng trong khuôn viên mỏ.

- Kho chứa chất thải rắn thông thường: Diện tích: 20 m²; Kho xây bằng bê tông, có mái che, bên ngoài cửa có biển báo.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 05

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cải tạo phục hồi môi trường đất, không khí, nước, cảnh quan, thảm thực vật,...

Nguyên tắc hoàn phục môi trường:

- Tránh không làm xáo trộn điều kiện môi trường ban đầu.
- Không trồng cây ngoại cảnh lai, sử dụng đất đá san lấp từ nơi khác.
- Củng cố các sườn tầng khai thác và bờ moong trong đá gốc; San gạt mặt bằng khu vực khai thác, bổ sung đất màu dày 0,5m và trồng cây xanh.
- Công tác hoàn thổ diện tích mặt bằng mỏ sẽ được thực hiện sau khi thu dọn, phá dỡ các công trình mỏ (nhà xưởng, nhà điều khiển, nhà ở công nhân,...)
- Sau khi đóng cửa mỏ, tháo dỡ các công trình, nhà xưởng và di dời trang thiết bị máy móc, củng cố tuyến đường giao thông nội mỏ, san ủi mặt bằng và trồng cây.
- Sử dụng máy ủi san lấp đất đá từ bãi thải của mỏ.
- Việc trồng cây xanh đảm bảo mật độ che phủ thích hợp, thành phần loài phù hợp với quy hoạch địa phương và là cây bản địa.
- Biện pháp thực hiện công tác này thông qua việc ký quỹ môi trường với khoản kinh phí dự tính đủ để đảm bảo tính khả thi của phương án đề ra.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

- Củng cố, tạo góc nghiêng an toàn cho mái dốc.
- Cải tạo mặt bằng khu mỏ.
- Củng cố tuyến giao thông nội mỏ.
- Trồng cây xanh tạo cảnh quan và môi trường.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH (nếu có) theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải nêu trên cho đơn vị có chức năng xử lý. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Tăng cường các giải pháp như phun sương dập bụi tại các khu vực có phát sinh bụi; tưới ẩm dọc tuyến đường vận chuyển; các xe chở đúng tải trọng, sử dụng bạt phủ che chắn; trồng cây xanh dọc tuyến đường vận chuyển và xung quanh khu vực khai trường. Xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật cho phép.

4. Thường xuyên vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng các công trình biện pháp bảo vệ môi trường giảm thiểu bụi và khí thải đáp ứng không gây ô nhiễm bụi, khí thải ảnh hưởng đến người dân và môi trường xung quanh.

5. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu của nước thải đến môi trường. Giảm thiểu chất thải rắn (đất đá thải) phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình qua Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định./.
